

*Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa tập 193*

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

淨土大經解演義

**Tập 193**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không**

**Thời gian: 05.04.2010**

**Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội**

**Chuyển ngữ: Minh Tiến**

**Giáo chánh & hiệu đính: Đức Phong, Như Hòa, và Huệ Trang**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ hai trăm hai mươi lăm, hàng thứ sáu, xem từ chữ “*Tịnh Ảnh Sớ*”:

“*Tịnh Ảnh Sớ viết: Pháp Tạng tự thuyết kỹ nguyện, linh chư Bồ Tát học chi đồng phát*” (Tịnh Ảnh Sớ chép: “Ngài Pháp Tạng tự nói nguyện của mình xong khiến các Bồ Tát học theo Ngài cùng phát nguyện”). Chúng ta hãy đọc tiếp câu kệ: “*Hựu Hội Sớ vân: Bồ Tát văn chi, tự phát dũng mãnh tâm, bỉ ký trượng phu, ngã diệc nhĩ. Bỉ phát diệu nguyện, ngã bất nhĩ hồ? Cố năng duyên chi mãn túc đại nguyện dã*” (Lại nữa, sách Hội Sớ chép: “Bồ Tát nghe xong tự phát tâm dũng mãnh. Ông ta là trượng phu, ta cũng vậy, ông ta đã phát nguyện nhiệm mầu, ta há chẳng bằng ông sao? Vì vậy, nguyện của Pháp Tạng làm duyên để viên mãn đại nguyện”). Trong phần trên đã nói: Sau khi Pháp Tạng Bồ Tát kiến lập thế giới Cực Lạc xong, đến gặp thầy là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai. Đương nhiên thầy đã biết, chẳng nói thầy cũng biết, quả vị Diệu Giác Phật không gì chẳng biết, nên Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai khuyên Ngài hãy nên tuyên bố chuyện ấy với đại chúng, khiến cho đại chúng hoan hỷ, mà cũng khiến cho vô lượng chúng sanh đạt được lợi ích thù thắng. Lợi ích ấy đích xác là chân thật, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo*”, bất luận ai thấy hoặc nghe đều kết duyên với thế giới Cực Lạc. Giáo pháp Đại Thừa thường nói “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, quý vị nghe [nói tới] A Di Đà Phật, nhìn thấy tượng A Di Đà Phật, đều là hữu duyên. Do đó, lời khuyên này của Thế Gian Tự Tại Vương Phật có dụng ý rất sâu, cũng là nhằm giúp A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh khổ nạn trong sáu nẻo của các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới. Duyên này sâu rộng khôn sánh, nên sau khi đại chúng nghe xong, đặc biệt là các vị Bồ Tát, cũng sẽ học theo đại nguyện và đại hạnh của tỳ-kheo Pháp Tạng.

Đoạn văn này là do cụ Hoàng trích một câu từ Tịnh Ảnh Sớ: “*Pháp Tạng tự thuyết kỹ nguyện, linh chư Bồ Tát học chi đồng phát*” (ngài Pháp Tạng nói nguyện của mình xong, khiến cho các Bồ Tát học theo Ngài cùng phát nguyện). Vì Bồ Tát đã phát Tứ Hoàng Thệ Nguyện, câu thứ nhất trong Tứ Hoàng Thệ Nguyện là “*chúng sanh vô biên*

*thệ nguyện độ*”, đã phát nguyện xong, phải “*độ*” bằng cách nào? Nhất định phải hợp tác với A Di Đà Phật thì mới có thể phổ độ chúng sanh. Không riêng hàng Bồ Tát phát nguyện, mà chư Phật Như Lai cũng không ngoại lệ, từ chỗ nào ta có thể thấy được điều này? Mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh, chẳng có vị nào không giảng kinh Vô Lượng Thọ, chẳng có vị nào không giảng kinh A Di Đà. Giảng những kinh ấy nhằm giúp A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì vậy, chư Phật đều tham dự các đại hội giảng kinh ấy, đây là pháp hội hy hữu, thù thắng khôn sánh trong thế gian và xuất thế gian, chúng ta chớ nên không biết điều này. Sách Hội Sớ nói rất rõ, quý vị thấy các vị Bồ Tát đã nghe xong lời tường thuật của tỳ-kheo Pháp Tạng, [ai nấy] đều tự phát tâm dũng mãnh. Các vị Bồ Tát ấy nghe xong đều phát tâm dũng mãnh. Quý vị thấy tỳ-kheo Pháp Tạng đã thực hiện được, Ngài có thể làm được, tại sao ta chẳng làm được? Cho nên [sách Hội Sớ viết]: “*Ông ta là trượng phu, ta cũng vậy. Ông ta đã phát diệu nguyện, ta há chẳng bằng ông hay sao? Ta có thể không phát sao?*”, mang ý nghĩa ấy. “*Ngài đã phát nguyện rồi, ta có thể không phát sao?*” Vì vậy, nguyện của ngài Pháp Tạng làm duyên viên mãn đại nguyện; câu “*mãn túc vô lượng đại nguyện*” trong kinh văn nghĩa là có thể làm tròn hết thấy các chí nguyện.

Câu kế tiếp: “*Hựu Vãng Sanh Luận Chú vân: Mãn túc vãng sanh Tịnh Độ nhất nguyện, tức nhất thiết chí nguyện tất mãn túc. Cố vân mãn túc vô lượng đại nguyện*” (Lại nữa, sách Vãng Sanh Luận Chú viết: “*Viên mãn một nguyện vãng sanh Tịnh Độ chính là viên mãn hết thấy các chí nguyện, nên gọi là mãn túc vô lượng đại nguyện*”), câu này vô cùng quan trọng. Sách Vãng Sanh Luận Chú do Đàm Loan đại sư soạn. Câu kế tiếp: “*Hòa bản thác xuất chư Phật tâm tủy*” (giải bày trọn vẹn tâm tủy của chư Phật), nghĩa là chẳng giữ lại mảy may nào, phô bày toàn bộ, ý nghĩa trong ấy, sâu rộng không bờ mé! Chúng sanh trong mười phương thế giới kể cả chúng ta, nếu hiểu rõ ràng sự việc này, trong Đại Thừa gọi là “*tham thấu*”, há chúng ta có thể chẳng phát nguyện vãng sanh hay sao? Phát nguyện vãng sanh chính là “*cùng tâm, cùng nguyện, cùng đức, cùng hạnh với A Di Đà Phật*”. Đây chính là [ý nghĩa được bao hàm trong] lời của chư tổ sư đại đức đã nói ở đây: Chỉ cần vãng sanh Tịnh Độ, hết thấy các nguyện đều viên mãn! A Di Đà Phật là người thay mặt chúng ta, Ngài phát ra bốn mươi tám nguyện; vãng sanh thế giới Cực Lạc thì bốn mươi tám nguyện ấy sẽ viên mãn. Nguyện của A Di Đà Phật đã viên mãn; khi chúng ta sanh về Tịnh Độ, nguyện của chúng ta cũng sẽ viên mãn. Do vậy, tôi nói: “*Cùng tâm, cùng nguyện với A Di Đà Phật*”. Do bốn mươi tám nguyện của Ngài viên mãn, nên bốn mươi tám nguyện của chúng ta cũng sẽ viên mãn; vì vậy, gọi là “*mãn túc vô lượng đại nguyện*”. Bốn mươi tám nguyện nhiếp trọn hết thấy hồng nguyện của Bồ Tát. “*Pháp Tạng Bồ Tát ngũ kiếp tinh cần cầu sách chi đại nguyện, chỉ vị chúng sanh năng chân thật phát khởi vãng sanh Tịnh Độ chi nhất nguyện*” (Pháp Tạng Bồ Tát trong cả năm kiếp siêng gắng tìm cầu, chọn lọc [những ưu điểm trong các cõi Phật thanh tịnh để kết thành bốn mươi tám nguyện], thật ra chỉ là một nguyện nhằm làm cho chúng sanh chân thật phát khởi ý nguyện cầu vãng sanh Tịnh Độ). Do đó, chúng

ta nhất tâm phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nguyện tâm ấy chính là tâm nguyện viên mãn của chư Phật, Bồ Tát. Câu thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, chúng ta phát một nguyện này thì nguyện [độ vô biên chúng sanh] liền viên mãn, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một là hết thấy, hết thấy là một*”, hết thấy chư Phật Như Lai, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong pháp giới hư không giới, hễ chúng sanh có cảm, các Ngài liền ứng. Chúng sanh không biết mục đích của sự cảm ứng, còn Phật, Bồ Tát đều biết rõ ràng, chỉ có một mục đích duy nhất là khuyên nhủ hết thấy chúng sanh hãy buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Đó là phương hướng chung, mục tiêu chung. Chỉ cần vãng sanh về Tịnh Độ, quý vị sẽ đạt được viên mãn rốt ráo. Đây là ý nghĩa của đoạn này.

Tiếp đó, cụ Niệm Tổ nói: “*Có ngã bối mặt thế phạm phu*” (Cho nên những phạm phu đời Mạt chúng ta), đây là nói tới các vị đồng học chúng ta trong hiện tại. “*Đản năng mãn túc thứ nhất nguyện*” (chỉ có thể làm trọn một nguyện ấy), then chốt ở hai chữ “*mãn túc*” này. “*Mãn túc*” nghĩa là gì? Thật sự vãng sanh là “*mãn túc*”. Nếu không vãng sanh, sẽ chẳng có phần! Dù là vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị cũng trọn vẹn vô lượng đại nguyện. Vô lượng đại nguyện của A Di Đà Phật, vô lượng đại nguyện của chư Phật Như Lai, vô lượng đại nguyện của hết thấy Pháp Thân đại sĩ trong các cõi nước chư Phật đều sẽ viên mãn khi quý vị vãng sanh. Chuyện vãng sanh này có khó hay không? Nay chúng ta biết: Chẳng khó tí nào! Tại sao người niệm Phật đông đảo, mà người vãng sanh rất ít? Thuở trước, khi tôi theo học kinh giáo với thầy Lý, thầy thường nói như vậy. Đài Trung Liên Xã ở Đài Loan do thầy sáng lập, liên hữu ở đó có cả mấy trăm ngàn người, thầy vô cùng cảm khái nói: “*Trong các liên hữu ở Đài Trung Liên Xã, trong một vạn người, chỉ có năm, ba người thật sự vãng sanh mà thôi!*” Do nguyên nhân nào? Vì không thể buông bỏ tình chấp thế gian, chưa thể buông xuống tập khí phiền não, còn có chuyện tham luyến; do đó, không thể vãng sanh Tịnh Độ. Đúng như Thiện Đạo đại sư đã nói “*vạn người tu, vạn người đến*”, người nào thật sự buông xuống sẽ thành công. “*Túc dĩ Di Đà đại nguyện tương ứng, tiện nhập Nhất Thừa nguyện hải, tiện dĩ Di Đà đại nguyện đồng thể. Có vân, túc thị mãn túc vô lượng đại nguyện dã*” (tức là tương ứng với Di Đà đại nguyện, liền nhập Nhất Thừa nguyện hải, liền có cùng một Thể với Di Đà đại nguyện, nên mới nói: “*Đầy đủ vô lượng đại nguyện*”). Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải hỏi vì sao chẳng thể buông xuống được? Nói thật ra là vì không hiểu rõ, không nhận thức đầy đủ [những sự tốt đẹp trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quả thật hiểu rõ ràng, minh bạch, lẽ nào không buông xuống được?

Khi tôi học Phật, lần đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, [đấy là] lần đầu tiên gặp gỡ người xuất gia, tôi thỉnh giáo lão nhân gia, Ngài dạy tôi “*nhìn thấu, buông xuống*”; bốn chữ này là bí quyết để khế nhập cảnh giới của Phật. Ngày đầu tiên gặp gỡ, Ngài liền dạy tôi [bốn chữ này]. Lúc đó tôi còn trẻ, chưa từng tiếp xúc Phật pháp, vừa nghe câu

ấy, dường như nửa hiểu nửa không! Hai ba chục năm sau, tôi mới thật sự hiểu thấu câu này, thật sự hiểu rõ ràng, Ngài chẳng lừa gạt tôi. Phàm phu học Phật từ lúc mới phát tâm cho đến quả vị Như Lai chính là “*nhìn thấu, buông xuống*”, nhìn thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống giúp quý vị nhìn thấu suốt. Hai pháp này giúp đỡ lẫn nhau, làm cho quý vị đạt đến rốt ráo viên mãn. Pháp môn này cũng chẳng phải là ngoại lệ, cũng là “*nhìn thấu, buông xuống*”. “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, quý vị thấy chỉ có tám chữ đơn giản này! Phát Bồ Đề tâm là nhìn thấu suốt, Bồ Đề là Trí Huệ, chẳng lưu luyến thế gian này, không chấp trước nữa. Nhất tâm niệm Phật là buông xuống, buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm. Niệm bao lâu mới có thể vãng sanh? Kinh Di Đà bảo ít nhất là một ngày, một ngày liền thành công; nhiều nhất là bảy ngày. Xin thưa cùng quý vị, chữ “bảy” này không phải là một con số, hiện thời chúng ta đều nghĩ nó là bảy ngày, chúng ta đã Phát Thất bảy ngày; thật ra, nó không phải là một con số. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu là con số, “bảy” không phải là con số, “bảy” rất sống động, viên mãn. “Bảy” nghĩa là gì? Nói tới “bốn phương, trên, dưới, chính giữa”, có nghĩa là viên mãn. [Kinh nói “từ một đến bảy ngày”], ý nói thời gian dài ngắn do quý vị quyết định, chẳng do người nào khác; lúc nào thật sự buông xuống, lúc đó sẽ thành công. Niệm Phật mà vẫn còn vướng mắc thế gian này, vẫn còn có tình chấp, quý vị sẽ không thể vãng sanh được! Ngày nào quý vị buông xuống được những vướng mắc ấy, ngày đó là ngày thứ bảy. Chữ “bảy” có nghĩa như vậy, triệt để buông xuống thì gọi là “bảy”.

“*Hà đẳng phương tiện, hà đẳng trực tiếp, tòng quả khởi tu, trực xu cứu cánh. Bất khả tư nghị Tịnh Độ pháp môn*” (Những gì là phương tiện, những gì là đường thẳng tắt? Chính là từ quả khởi tu, thẳng đến rốt ráo. Pháp môn Tịnh Độ thật chẳng thể nghĩ bàn), những câu này rất quan trọng. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, cũng không thể tìm được pháp môn [nào khác] thuận tiện như vậy, quả thật là tìm không ra, chỉ có một pháp môn này. Thẳng tắt: Từ phàm phu một phẩm phiền não cũng chưa đoạn được, mà có thể thành tựu ngay trong một đời này, pháp môn này gọi là “pháp khó tin”. Tuy khó tin, nhưng dễ tu hành, dễ thành tựu, nguyên nhân là gì? Hai câu trong đoạn văn trên đây đã giải thích tại sao: “*Tòng Quả khởi tu*” (từ Quả khởi tu). A Di Đà Phật là quả vị, chẳng phải là nhân. Dùng quả giác (sự giác ngộ nơi quả) của Phật Di Đà làm nhân tâm (cái tâm tu nhân) của chúng ta, nhân quả chẳng hai, Di Đà là Tự Tánh Di Đà, Tịnh Độ là Duy Tâm Tịnh Độ. Di Đà Tịnh Độ từ đâu ra? Từ tự tánh của chúng ta biến hiện ra. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm*” (Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm), câu này có thể chứng minh, chẳng lìa tự tánh, chư Phật Như Lai cũng chẳng lìa tự tánh; ngạ quỷ, địa ngục cũng chẳng lìa tự tánh, tất cả đều do tâm hiện, thức biến. Pháp môn này là từ Quả bắt đầu tu, mãi cho đến rốt ráo; “*cứu cánh*” (rốt ráo, mục tiêu cuối cùng) là quả vị Diệu Giác như kinh Hoa Nghiêm đã nói, quả thật là rốt ráo viên mãn! Pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn này chẳng dễ gì gặp được, hy hữu khó gặp! Phẩm thứ năm “*Chí Tâm Tinh*

Tán” chúng ta học đến đây là hết. Tiếp theo đây, chúng ta xem tiếp phần quan trọng nhất trong kinh Vô Lượng Thọ:

**PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN ĐỆ LỤC.**

發大誓願第六。

(*Phẩm thứ sáu: Phát đại thệ nguyện*).

Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai khuyên tỳ-kheo Pháp Tạng hãy tuyên bố với đại chúng [thệ nguyện của chính mình]. Đây là toàn bộ lời tường thuật do Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta nghe. Trước khi học toàn bộ kinh văn của phẩm này, [chúng ta hãy coi] lời giới thiệu của cụ Hoàng trong phần đầu nhằm giới thiệu đại ý của phẩm này. Lời giới thiệu rất hay, rất khó có! Những câu sau đây thuộc phần Chú Giải, chúng ta xem nhé: “*Bốn phẩm nãi Pháp Tạng Bồ Tát tuân Phật minh huấn, ư đại chúng trung, tuyên thuyết sở phát thù thắng đại nguyện*” (Phẩm này là do Pháp Tạng Bồ Tát vâng theo lời dạy rõ ràng của đức Phật, tuyên nói với đại chúng những đại nguyện thù thắng của Ngài). Ngài đã phát nguyện gì? Tuyên nói bốn mươi tám nguyện trừ danh [do chính Ngài đã lập]. “*Thử đại thệ nguyện, diệu đức nan tu*” (Diệu đức của các đại thệ nguyện ấy khó suy lường), câu này là lời đánh giá chung: Chẳng thể nghĩ bàn! Tại sao? Chẳng biết đại nguyện này đã giúp bao nhiêu chúng sanh trong lục đạo có thể từ phàm phu thành Phật trong một đời. Cho nên đức A Di Đà Phật được hết thầy chư Phật xưng tụng: “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (Ánh sáng tôn quý nhất trong các ánh sáng, vua trong các vị Phật), đạo lý là như vậy. Tất cả kinh giáo do mười phương ba đời hết thầy chư Phật đã nói đều chẳng thể sánh bằng bộ kinh này. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều chẳng sánh bằng, kinh này là kinh bậc nhất trong nhà Phật. Kinh này không chỉ là kinh bậc nhất trong các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, mà còn là kinh bậc nhất trong hết thầy các cõi nước của chư Phật trọn khắp pháp giới hư không giới. Nếu quý vị gặp được pháp môn khác, chưa chắc quý vị đắc độ trong một đời này. Nếu quý vị gặp được pháp môn này, nhất định sẽ đắc độ, nhất định sẽ thành Phật. Vấn đề là quý vị chịu làm hay không, có thể y giáo phụng hành hay không? Nếu quả thật có thể y giáo phụng hành, quý vị sẽ thành công, nhất định chẳng phải giả!

“*Như Chân Giải viết*” (Như sách Chân Giải viết), đây là sách của Nhật. Nói thật ra, người Nhật Bản học kinh Vô Lượng Thọ vượt trội người Trung Quốc, chú giải [kinh Vô Lượng Thọ] của họ có tới hai mươi mấy bộ. Chú giải kinh Vô Lượng Thọ của cổ đại đức Trung Quốc chỉ có hai bộ, phía trước đã trình bày nguyên nhân rất rõ ràng. Rất nhiều phiên bản [kinh này] được truyền tới Trung Quốc, có mười hai bản dịch, ngày nay, trong mười hai bản [dịch gốc], đã bị thất truyền bảy bản, trong Đại Tạng Kinh hiện nay chỉ giữ được năm bản. Nếu muốn đọc hết năm bản ấy, quả thật rất khó khăn, vì trong quá khứ, kỹ thuật ấn loát chưa phát triển, chẳng thuận tiện, chẳng dễ gì kiếm được năm bản dịch của kinh này. Do có sự hạn chế lớn như vậy, nên mới cần hội tập [các bản

dịch ấy]. Sau khi bản hội tập này được hoàn thành, chúng tôi tin tưởng kinh Vô Lượng Thọ ở Trung Quốc sẽ được đại chúng nhận biết rộng rãi và sốt sắng học tập. Sách Chân Giải viết: “*Tứ thập bát nguyện công đức thành tựu, nhi quy nhất Chánh Giác, Chánh Giác chi Thể tức thị Nam Mô A Di Đà Phật dã. Thị danh hoằng thệ bốn thừa hải, diệc danh bi nguyện Nhất Thừa. Thử nãi Di Đà Chánh Giác công đức dã. Chánh Giác công đức bất khả tư nghị giả, do thệ nguyện bất khả tư nghị*” (Bốn mươi tám nguyện công đức thành tựu chỉ quy vào một Chánh Giác. Thể của Chánh Giác chính là Nam Mô A Di Đà Phật. Đây gọi là hoằng thệ bốn thừa hải, cũng gọi là bi nguyện Nhất Thừa. Đây chính là công đức Chánh Giác của Di Đà vậy. Công đức của Chánh Giác chẳng thể nghĩ bàn là vì thệ nguyện chẳng thể nghĩ bàn). Chúng ta xem đến đây. Công đức của bốn mươi tám nguyện thành tựu quy về một Chánh Giác, một Chánh Giác chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở đây viết gọn lại thành hai chữ Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Diệu Giác, chỉ có Diệu Giác mới được gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong kinh Hoa Nghiêm, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị đều được gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng chẳng có chữ Vô Thượng. A La Hán, Bích Chi Phật xưng là Chánh Giác, đây là những địa vị trong Tiểu Thừa, chưa ra khỏi tam giới. Trong tứ thánh pháp giới thuộc mười pháp giới, A La Hán và Bích Chi Phật thuộc về hai tầng dưới, trên đó còn có Bồ Tát và Phật, các Ngài được tính vào bậc nào? A La Hán là Tiểu Thừa, Bích Chi Phật là Trung Thừa, Bồ Tát và Phật là Đại Thừa trong mười pháp giới. Từ Sơ Trụ trở lên là Nhất Thừa, chẳng phải là Đại Thừa, đều gọi là Nhất Chánh Giác, chúng ta phải biết điều này.

“*Nhất Chánh Giác*” cũng có nghĩa là các Ngài đã thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng trong đó vẫn còn có một chút sai khác: Tập khí vô thi vô minh chưa đoạn! Có trở ngại hay không? Không trở ngại! Không trở ngại chút nào. Phải biết vô thi vô minh chính là “khởi tâm, động niệm”. Sơ Trụ Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước; do vậy, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều thuộc cảnh giới bình đẳng, chẳng sai khác, hoàn toàn bình đẳng! Đọc đến phần nguyện văn ở phía sau, chúng ta sẽ thấy thế giới Cực Lạc chẳng có gì không bình đẳng, ngay cả tướng mạo cũng bình đẳng, tướng chuyển theo tâm mà! Trong thế giới của chúng ta, tại sao tướng mạo không bình đẳng? Vì tâm tướng khác nhau. Nếu hai người có tâm tướng vô cùng gần gũi thì tướng mạo của họ sẽ rất giống nhau, tướng từ tâm sanh mà! Tướng mạo của người ở cõi Cực Lạc đều giống nhau, đều giống như A Di Đà Phật, tại sao vậy? Trong tâm của họ luôn nghĩ tới một câu A Di Đà Phật; vì thế, tướng mạo của họ đều giống nhau. Khi đoạn dứt một phẩm tập khí vô thi vô minh, họ liền chứng quả vị Diệu Giác. Quả vị Diệu Giác không trụ trong cõi Thật Báo. Quả vị Diệu Giác sẽ trở về cõi Thường Tịch Quang. Vì lẽ đó, những người tu hành trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm đều là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, các Ngài trụ trong Tịnh Độ thật sự, tức Nhất Chân pháp giới. Do đó, quy về một Chánh Giác. Cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện cũng quy về một Chánh Giác, điều này chẳng thể nghĩ bàn; tới

phần nguyện văn ở phía sau chúng ta sẽ thấy, thật sự là chẳng thể nghĩ bàn. Thể của Chánh Giác là danh hiệu Phật, tức sáu chữ hồng danh, trong đó, Nam Mô có nghĩa là quy y, [Nam Mô A Di Đà Phật] là quy y A Di Đà Phật. Quy nghĩa là quay đầu, từ mê hoặc, điên đảo, thật sự giác ngộ quay về nương tựa A Di Đà Phật. Sự nương tựa này đã vững chắc rồi, quý vị sẽ hoàn toàn giống như A Di Đà Phật, chính mình không hay không biết cũng biến thành hóa thân của A Di Đà Phật, đó gọi là Hoàng Thệ Bồn Thừa Hải. Chữ Hải sánh ví lời thệ nguyện ấy sâu rộng vô bờ bến. Bồn Thừa chính là Nhất Thừa. Thệ nguyện của A Di Đà Phật không nhằm mục đích mong mỏi quý vị quý vị đến thế giới Cực Lạc làm A La Hán hay làm Bồ Tát; mà là [hy vọng] quý vị đến thế giới Cực Lạc bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức quả vị Phật rốt ráo viên mãn. Do vậy, cũng gọi là Bi Nguyện Nhất Thừa, Bi là đại bi, thương xót hết thảy chúng sanh. Đó chính là công đức của Di Đà Chánh Giác vậy.

Kể đó, sách viết: “Chánh Giác công đức bất khả tư nghị giả, do thệ nguyện bất khả tư nghị” (Công đức của Chánh Giác chẳng thể nghĩ bàn vì thệ nguyện chẳng thể nghĩ bàn). “Thị dĩ Hành Quyển dĩ tạp lục cú thán thệ nguyện bất khả tư nghị, dĩ chương” (Do vậy, sách Hành Quyển dùng đến ba mươi sáu câu để khen ngợi thệ nguyện chẳng thể nghĩ bàn, nhằm hiển dương [công đức rộng lớn của Chánh Giác]) Chữ Chương (彰) có nghĩa là hiển dương, chúng ta gọi là “tuyên dương”, làm cho đại chúng đều biết “công đức Chánh Giác chẳng thể nghĩ bàn”. Đoạn này được trích lược rút gọn như sau: “Văn viết: Kính bạch thân nhất thiết vãng sanh nhân đẳng” (Lời văn như sau: “Kính cẩn bày tỏ cùng hết thảy những người vãng sanh”). Nói với những người vãng sanh thế giới Cực Lạc, đương nhiên cũng là nói với những người thật sự muốn phát tâm cầu sanh về thế giới Cực Lạc, nói với họ. Chữ “thân” (申) nghĩa là gì? Nói theo cách bây giờ, “thân” nghĩa là “trình trọng bày tỏ”, có nghĩa là giải thích cặn kẽ. Đối với hết thảy những người vãng sanh, trình trọng bày tỏ, giải thích cặn kẽ. “Hoàng thệ Nhất Thừa hải” là nói hết thảy chúng sanh bình đẳng thành Phật, chẳng phải là một, hai người! Phải biết, những người phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong mỗi thế giới khắp mười phương thế giới, mỗi ngày có bao nhiêu người vãng sanh thế giới Cực Lạc? Chẳng có cách nào tính được vì con số đó quá ư là nhiều! Sanh về đó làm gì? Đều là để thành Phật. Đây là sự trang nghiêm tốt đẹp xiết bao, những sự tốt đẹp trong cõi người và cõi trời cũng không có cách chi sánh bằng, nhưng người ta thường chẳng biết việc này.

Câu kệ đó rất hay: “Thành tựu vô ngại vô biên tối thắng thâm diệu bất khả thuyết, bất khả xưng, bất khả tư nghị chí đức” (thành tựu đức cùng tốt sâu màu chẳng thể nói, chẳng thể khen, chẳng thể nghĩ bàn thù thắng nhất). Chúng ta nói đến công đức, “chí đức” là gì? Công đức rốt ráo viên mãn. Do đó, vãng sanh cõi Cực Lạc, quý vị sẽ chứng đắc đại viên mãn! Hạ Hạ phẩm vãng sanh cũng vậy, quý vị thấy việc này khó dường nào! Bồ Tát tu đến cảnh giới ấy thì phải tu tới kiếp nào? Tu hành vô lượng kiếp; nhưng trong pháp môn này, trong vòng một thời gian rất ngắn, quý vị sẽ thành tựu, “nhược

*nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật*”, chúng tôi đều đã từng chứng kiến. Tôi đã thấy một người có thể vãng sanh trong vòng ba ngày, thật đấy, chẳng giả đâu! Tôi đã gặp ở Mỹ. Một Hoa kiều là ông Châu Quảng Đại mở xưởng bánh mì, bị bệnh ung thư, [bác sĩ] trong bệnh viện tuyên bố [bệnh tình] đã đến mức chẳng còn cách nào chữa trị được nữa, bảo người nhà nên chôn ông ta về nhà lo liệu. Ông ta chỉ còn sống được một hai tuần nữa, tế bào ung thư đã lan tràn khiến ông ta vô cùng đau đớn. Cả đời ông ta chẳng tin tôn giáo nào hết, lúc ấy đã đến đường cùng, đúng là “*bệnh ngặt, vái tứ phương*”, người nhà đi khắp nơi để cầu thần, lạy Phật, coi thử kỳ tích có xuất hiện hay không. Khi ấy, ở nơi đó chúng tôi có một hội Phật Giáo, tức Phật Giáo Hoa Phủ Hội (hội Phật giáo Washington), họ tìm đến hội Phật Giáo này. Các vị đồng tu ở đó cũng giỏi lắm, cử vài người đến nhà trợ niệm và khuyên bảo ông ta: “Thế giới này khổ quá! Nay ông đã bệnh tới mức này, cơ hội lành bệnh rất khó”, họ khuyên ông ta hãy cầu sanh thế giới Cực Lạc. Ông ta có thiện căn sâu dày, sau khi nghe họ khuyên, chẳng phản đối, mà còn nghe theo. Ông ta bảo người nhà đừng tìm cách chữa trị nữa, mọi người hãy cùng niệm Phật giúp ông ta vãng sanh. Người nhà cũng nghe theo, cả nhà niệm Phật cho ông ta, niệm chưa tới nửa ngày ông ta bèn cảm thấy không đau đớn gì nữa, cảm thấy vô cùng kỳ lạ! Căn bệnh ấy vốn rất đau đớn, nhưng tới lúc đó không còn đau nữa, cũng chẳng cần phải chích morphine, chẳng cần gì cả. Ông ta cũng niệm theo mọi người, ba ngày sau được đức Phật đến tiếp dẫn. Kinh Di Đà nói “*từ một ngày đến bảy ngày*”, ông ta niệm ba ngày bèn ra đi. Trước đó, ông ta chẳng tin tôn giáo nào cả! Sau khi vãng sanh, toàn thân mềm mại, tướng lành hiếm có, tạo chứng cứ cho người niệm Phật chúng ta. Đối với tình huống ở thế giới Cực Lạc ông ta chẳng hiểu gì hết, nhưng đến lúc ấy chẳng còn cách nào khác, ngoài con đường [niệm Phật cầu vãng sanh] này, không còn đường nào khác. Đây là duyên phận đời trước đến lúc đó đã chín muồi, vừa nghe nói đến [pháp môn Niệm Phật] liền tin tưởng, liền tiếp nhận, liền thật sự phát nguyện niệm Phật cùng mọi người, phù hợp với câu “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” trong kinh Vô Lượng Thọ. Đến thế giới Cực Lạc, ông ta mới thật sự biết được cùng tột sâu màu vô ngại, vô biên, chẳng thể nói, chẳng thể khen, chẳng thể nghĩ bàn thù thắng nhất. Đến thế giới Cực Lạc, ông ta bèn biết được, thù thắng hy hữu!

Câu kệ tiếp: “*Hà dĩ có? Thệ nguyện bất khả tư nghị cố*” (Tại sao vậy? Vì thệ nguyện chẳng thể nghĩ bàn). Học xong phẩm kinh này, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. “*Bi nguyện dụ như đại hư không, chư diệu công đức quảng vô biên cố*” (bi nguyện ví như hư không to lớn, các công đức màu nhiệm rộng lớn vô biên), lòng từ bi của A Di Đà Phật là thật, chẳng giả, từ bi trọn khắp pháp giới, nên dùng hư không để tỷ dụ. “*Chư diệu công đức quảng vô biên cố*”, công đức này có thêm chữ “*chư diệu*”, “*chư*” (諸) nghĩa là vô lượng vô biên công đức. “*Diệu*” (妙) là gì? Diệu là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, [lúc đó], những công đức ấy bèn hiện tiền, không chỉ hiện ra mà còn được thọ dụng. Công đức từ đâu mà có? Trong tự tánh vốn sẵn có, vốn đầy đủ, chẳng phải đến từ bên ngoài. Tức là như



trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, “*đức*” là công đức, “*tướng*” là tướng hảo. Vô lượng vô biên tướng hảo đều vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng cần phải tìm cầu từ bên ngoài, cầu từ bên ngoài cũng chẳng cầu được. Những gì cầu được cũng là tương tự; nói cách khác, chúng là giả, chẳng thật! Công đức chân thật là vốn sẵn có trong tự tánh.

Nếu chúng ta thật sự khẳng định câu này, chẳng nghi ngờ câu nói này của Phật một tí nào, chúng ta nhất tâm niệm A Di Đà Phật, công đức gì cũng buông xuống hết. Tại sao vậy? Câu A Di Đà Phật này là chìa khóa để mở kho tàng công đức, chúng ta có thể mở trí huệ công đức vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh, chẳng phải nhờ tới vật gì khác. Pháp môn này khó tin, thật sự khó tin. Cho nên nhiều người niệm Phật còn muốn tu tập, tích lũy hết thấy công đức; thật ra, tu tập, tích lũy những công đức ấy, khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới biết đều là tôn công vô ích. Những công đức quý vị thấy được, tiếp xúc, hưởng thụ khi đến thế giới Cực Lạc vốn chẳng phải là những công đức do quý vị tu được, những thứ đó đều hoàn toàn chẳng dùng đến! Thật đấy, chẳng giả đâu! Công đức vốn sẵn có trong tự tánh mới gọi là “*diệu*”! Chúng ta có tu như thế nào đi nữa cũng chẳng tu được, thứ gì cũng đều có sẵn, chẳng cần tìm kiếm bên ngoài. [Hiểu như vậy], tâm chúng ta mới định được. Khi tâm định, trong tâm chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm ấy tự tại, viên mãn biết bao, đó là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” trong tựa đề kinh này.

“*Đại xa*” (cỗ xe lớn) là tỷ dụ. “*Nãi chí do như đại phong*” (cho đến như cơn gió lớn), câu này cũng là tỷ dụ. Xe lớn là gì? Có thể rộng độ chúng sanh, xe lớn chở được nhiều người. Gió tỷ dụ “*tự tại*”, gió chẳng bị chướng ngại, gió thổi trong không trung chẳng chướng ngại. “*Phổ hành thế gian vô sở ngại cố*” (đi khắp thế gian chẳng bị chướng ngại), gió lớn tỷ sự “*không chướng ngại*”. “*Năng xuất tam hữu hệ phược thành*” (vượt khỏi thành Tam Hữu trói buộc), “*tam hữu*” là tam giới, Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu, hữu cái gì? Có nhân, có duyên, có nhân có duyên rồi sẽ có quả báo; do đó, Tam Hữu là lục đạo. Có thể ra khỏi thành tam hữu trói buộc nghĩa là có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. “*Nãi chí khai hiển phương tiện tạng*” (cho đến khai hiển phương tiện tạng), phi thường quá! “*Tạng*” là nói theo mặt Sự, ngày nay chúng ta nói tới Đại Tạng Kinh, đây cũng chính là những pháp do hết thấy chư Phật đã giảng. Tại sao gọi là phương tiện? Chư Phật ứng hóa trong thế gian, tùy thuận căn cơ để ban bố sự giáo hóa, chẳng có pháp tắc nhất định, các Ngài chẳng hiện tướng nhất định. Nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy, đó gọi là “*phương tiện*”. Nên nói pháp môn gì cho quý vị, Ngài liền giảng pháp môn ấy, chẳng có pháp nhất định nào để nói, tại sao vậy? Vì căn tánh khác nhau. Chư Phật, Pháp Thân đại sĩ rất lợi hại, vừa gặp quý vị, các Ngài liền biết những chuyện trong nhiều đời quá khứ của quý vị; do đó, các Ngài đều có thể quán sát căn cơ. Trong đời quá khứ, quý vị đã học tập pháp môn gì, các Ngài dạy dỗ quý vị nhất định sẽ dạy tương ứng với những gì quý vị đã học trong quá khứ, tại sao vậy? Vì quý vị sẽ rất vui thích tiếp nhận, rất thích học tập. Cái gọi là “*tám vạn bốn ngàn*

pháp môn” hay “vô lượng pháp môn” đều gọi là “*phương tiện tạng*”. Phương tiện khéo léo mới có thể phổ độ chúng sanh. Phương tiện chẳng lia chân thật, từ chân thật mở ra các phương tiện, dùng phương pháp khéo léo để dẫn dụ quý vị về Nhất Thừa.

Như trong hôm qua, chúng ta đã học một đoạn trong kinh Pháp Hoa “*hội tam quy nhất*”, đức Thế Tôn dạy học khéo léo, quý vị thấy Ngài dạy Tiểu Thừa trước, quý vị học rất dễ. Nếu Ngài dạy Đại Thừa trước, quý vị nghe sẽ không hiểu, sẽ chẳng có hứng thú nghe. Vì vậy, Ngài phải dùng mười hai năm để vun bồi, dành mười hai năm giảng kinh A Hàm. Giảng Phương Đẳng, Phương Đẳng là sơ cấp Đại Thừa, mất hết tám năm. Phương Đẳng cộng với A Hàm thành hai mươi năm. Trong hội giảng kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, [các đệ tử đã] học hết hai mươi năm, đã khá rồi, đức Phật giảng Đại Thừa quý vị mới có thể tiếp nhận. Đại Thừa là gì? Bát Nhã, giảng kinh Bát Nhã hết hai mươi hai năm. Một đời đức Thế Tôn dạy bốn mươi chín năm, quý vị nghĩ xem Bát Nhã mất hết hai mươi hai năm, Bát Nhã là khóa trình chính yếu trong cả đời dạy học của đức Thế Tôn. Bát Nhã nhằm giảng cho quý vị lẽ chân thật, lẽ chân thật là gì? Hết thấy các pháp, pháp thế gian và xuất thế gian, “*vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (chẳng có sở hữu, rốt ráo là không, chẳng thể được), dùng hết hai mươi hai năm để giảng rõ sự việc này. Khi quý vị đã thông suốt rồi mới có thể buông xuống! Hết thấy pháp chẳng có sở hữu, rốt ráo là không, chẳng thể được, vậy thì quý vị còn chấp trước gì nữa? Khi quý vị buông xuống được sẽ là Nhất Thừa, “*hội tam quy nhất*” (gộp tam thừa về nhất thừa). Kinh Pháp Hoa dạy quý vị chúng, tức là đích thân chúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm đều thuộc Nhất Thừa. Thời đại Tùy - Đường, các tổ sư đại đức công nhận: Trong hết thấy kinh do đức Phật đã thuyết giảng, kinh Nhất Thừa gồm có ba bộ là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, và Phạm Võng. Kinh Phạm Võng chưa truyền đến Trung Quốc [toàn bộ], chỉ truyền một phẩm, tức là phẩm Phạm Võng Bồ Tát Giới, chỉ có một phẩm này, trọn bộ kinh chưa truyền tới Trung Quốc. Trong Nhất Thừa lại còn Nhất Thừa, đây cũng là điều các tổ sư đại đức thời Tùy - Đường phát hiện, Nhất Thừa [trong Nhất Thừa] ấy là gì? Đó là Trì Danh Niệm Phật, vãng sanh Tịnh Độ. Các Ngài nói như vậy là có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện. Kinh Hoa Nghiêm tới cuối cùng, mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Lại xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, chúng ta sẽ hiểu, Thiện Tài là đệ tử “*nhập thất*” của Văn Thù Bồ Tát, nghĩa là đệ tử truyền pháp, chẳng phải là người thường, những gì Ngài học, Ngài tu chắc chắn giống như thầy. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, vậy thì Thiện Tài có thể ra ngoài lệ ấy hay sao? Do đó, Ngài đại triệt đại ngộ trong hội của Văn Thù Bồ Tát, minh tâm kiến tánh, cũng có nghĩa là chứng Sơ Trụ và vượt thoát mười pháp giới. Văn Thù Bồ Tát cho Ngài đi tham học, giới thiệu vị thiện tri thức thứ nhất là tỳ-kheo Cát Tường Vân; đây là một vị Sơ Trụ Bồ Tát. Nếu Thiện Tài chưa đạt đến Sơ Trụ, sẽ chẳng gặp được Sơ Trụ Bồ Tát. Vì vậy, mỗi vị thiện tri thức mà Thiện Tài đến gặp, chúng đến

quả vị nào, chúng ta liền biết lúc ấy Thiện Tài đồng tử đã chứng đến quả vị đó. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn gì? Ngài tu Ban Châu Tam Muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc, đây là vị thiện tri thức thứ nhất. “*Đệ nhất*” được biểu thị giống nhau ở Trung Quốc và cổ Ấn Độ, đúng như câu nói “*tiên nhập vi chủ*” (những gì đầu tiên đều là chủ yếu). Chúng ta xem tiếp vị thiện tri thức thứ năm mươi ba, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Quý vị nhìn vào vị thứ nhất và vị cuối cùng sẽ hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng dạy tu pháp môn gì? Tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tuyệt diệu quá, điều này đã ban chúng ta một khai thị rất lớn!

Chúng ta, ngay chính bản thân tôi, chẳng phải là kẻ thượng căn, chúng ta đều là hạng trung, hạ căn, cứ tưởng những điều mình nghĩ đều là chính xác, đều đúng hết, đi vòng vo thật lâu, đi lầm hết bao nhiêu con đường oan uổng, hai chục, ba chục năm sau mới tin pháp môn Tịnh Độ. Lúc trước chẳng tin, thầy khuyên nhủ, tôi luôn phản đối, vẫn không chịu học. Vì sao [bây giờ] tôi lại tin? Nhờ tôi giảng kinh Hoa Nghiêm nên mới chịu tin, giảng kinh Hoa Nghiêm được phân nửa, có một hôm đột nhiên suy nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì, Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì. Lúc đó, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng Bát Thập và Tứ Thập Hoa Nghiêm cùng lúc, mỗi tuần giảng ba ngày, hai ngày giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Giảng được mười mấy năm, giảng được phân nửa, đột nhiên nghĩ tới vấn đề này nên mới đi tìm [câu trả lời], tìm tới phần sau, đọc tới đoạn kinh này liền rờn ốc, [tự hỏi] tại sao Văn Thù và Phổ Hiền đều cầu sanh thế giới Cực Lạc? Lại chú tâm xem [phần kinh văn nói về] Thiện Tài đồng tử. Quý vị thấy tôi giảng hết nửa bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm mà vẫn chưa phát hiện điều này, chỉ dựa theo chú giải của cổ nhân để giảng, chẳng nhìn thấy chân tướng sự thật. Sau đó, chú tâm tìm kiếm mới hiểu rõ, mới hoá nhiên đại ngộ. Sự biểu thị pháp này là: Mở đầu bằng Tịnh Tông, kết thúc cũng bằng Tịnh Tông. Sau đó mới hoàn toàn hiểu rõ năm mươi một địa vị ở giữa, mới hiểu ý nghĩa từ ngữ “*luyén đức lễ từ*” trong kinh văn. “*Luyén đức lễ từ*” nghĩa là gì? Tôi tham học vị thiện tri thức này, nghe Ngài báo cáo, thuật lại pháp môn tu học của chính Ngài, tôi hoàn toàn hiểu rõ, cảm tạ Ngài, đó là “*luyén đức*”. Tôi được Ngài giáo dục nên cảm ơn Ngài. “*Lễ từ*” nghĩa là gì? Tôi không học theo pháp môn của Ngài, học xong tôi vẫn theo pháp môn Niệm Phật, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Pháp môn của Ngài dạy là một trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, tôi đều biết hết, nhưng chẳng học theo, tôi vẫn thật thà tu pháp môn Niệm Phật, “*từ*” có ý nghĩa như vậy! Hiểu rõ ràng, minh bạch rồi, mới biết hàm ý trong mỗi chữ mỗi câu đều rất sâu. Do đó, mới biết Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đều tu một câu A Di Đà Phật, niệm tới cùng. Những kinh điển Nhất Thừa như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều quy về kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ chính là Nhất Thừa trong Nhất Thừa. Đến đây cũng coi như chúng ta đã nhận biết, hiểu được [giá trị] kinh này. Không nhận biết, sẽ học rất khó khăn; đã nhận thức sẽ rất thuận tiện, mới cam tâm một lòng học tập.

Vì sao tôi vẫn giảng các kinh khác? Vì hiện nay Phật pháp suy thoái, tám tông phái Đại Thừa chỉ là hư danh, trong mỗi tông phái không có người thật sự tu hành. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi rất nhiều [về chuyện này]. Hiện thời, ở Trung Quốc chỉ có ba tông phái là Thiên Tông, Tịnh Độ Tông, và Mật Tông. Thiên Thai và Hiền Thủ chẳng còn có người nữa, các tông phái khác càng chẳng cần bàn tới. Vả lại, thật sự có thể thành tựu thì chỉ có Tịnh Độ. Cụ Hoàng kể với tôi, cụ học Thiên với lão hòa thượng Hư Vân, cụ cũng từng học Mật, nhưng đều chẳng thể thành tựu. Đến cuối cùng, lúc [sắp] vãng sanh, cụ bảo tôi, mỗi ngày niệm Phật mười bốn vạn tiếng, [niệm theo lối] truy đánh niệm Phật, Phật hiệu chẳng dứt, mỗi ngày niệm mười bốn vạn tiếng. Cụ niệm Phật vãng sanh. Nếu chúng ta có duyên, cũng nên giúp đỡ các tông phái khác, vì sao? Đều là phương tiện tiếp dẫn. Nhưng bất luận tu học pháp môn nào, đến cuối cùng, nhất định phải là niệm Phật mới thành tựu, không niệm Phật sẽ chẳng thể thành tựu. Nếu không niệm Phật, tu học hết thấy các pháp môn sẽ đều giống như hiện nay thường gọi là “*Phật học*”, nói rõ hơn một chút tức là [thâu thập] kiến thức về Phật học, đấy chẳng phải là trí huệ, họ không thể buông xuống! Thật sự buông xuống được thì mới là trí huệ; buông xuống không được sẽ là tri thức (kiến thức). Tri thức không thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới; có trí huệ thì mới có thể vượt thoát tam giới, trí huệ mới thật sự là “*phương tiện tạng*”. “*Luong khả phụng trì, đặc khả đánh đời dã*” (thật đáng phụng trì, thật đáng cúi lạy, nhận lấy vậy), đoạn trên đây đã giới thiệu đơn giản công đức bốn nguyện Di Đà.

Tiếp đó, lại cần phải nói rõ: “*Chỉ u nguyện văn đa quả, chư dịch phá hữu sai dị*” (Về phần nguyện văn nhiều hay ít, các bản dịch đều khá sai khác). Thông thường, chúng ta nói bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện là nói theo bản dịch thời Tào Ngụy của ngài Khang Tăng Khải. Thời Tam Quốc, Tào Tháo [sáng lập nước] Ngụy, lúc đó ngài Khang Tăng Khải trụ ở nước Ngụy dịch kinh này, nên bản dịch ấy gọi là bản Ngụy dịch. Trong năm bản dịch, tức là năm bản dịch kinh này hiện vẫn còn, bản Ngụy dịch được lưu thông nhiều nhất. Lúc trước, tôi có học [kinh Vô Lượng Thọ], dùng bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, trong ấy có bốn mươi tám nguyện. Do đó, mọi người đều quen biết bốn mươi tám nguyện. Thật ra, trong năm bản dịch, nguyện văn nhiều hay ít khác nhau, có bản ghi hai mươi bốn nguyện, có bản ghi ba mươi sáu nguyện, ở đây chỉ giới thiệu đơn giản như vậy. “*Hán Ngô lưỡng dịch đồng vi nhập tứ nguyện, thả kinh trung minh ngôn tiện kết đặc nhị thập tứ nguyện kinh*” (Hai bản Hán dịch và Ngô dịch cùng ghi hai mươi bốn nguyện, trong kinh còn ghi rõ: “*Liên kết được hai mươi bốn nguyện*”), trong kinh vẫn có câu này. Bản Tống dịch ghi ba mươi sáu nguyện. Bản Ngụy dịch và Đường dịch ghi bốn mươi tám nguyện. “*Chỉ u Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh*” (còn như Hậu Xuất A Di Đà Kệ kinh), trong bộ kinh ấy có câu “*thệ nguyện nhị thập tứ chương, khả kiến nhị thập tứ nguyện u chư kinh trung thật cư đa số*” (thệ nguyện gồm hai mươi bốn chương, có thể thấy phần đông các kinh đều ghi hai mươi bốn nguyện). Ba bản dịch ghi hai mươi bốn nguyện, hai bản dịch ghi bốn mươi tám nguyện, chỉ có một bản dịch ghi ba mươi sáu nguyện; do đó, hai mươi bốn nguyện chiếm đa số. “*Đản*

*thế gian lưu thông giả, chỉ thị Ngụy dịch. Cố thế nhân thực tri tứ thập bát, nhi hãn văn nhị thập tứ nguyện dã*” (Nhưng vì bản Ngụy dịch được lưu thông rất rộng, nên người đời quen thuộc bốn mươi tám nguyện, ít nghe nói tới hai mươi bốn nguyện). Bản hội tập này dùng hai mươi bốn làm cương lĩnh, bốn mươi tám làm đề mục, cho nên có hai mươi bốn chương, bốn mươi tám nguyện, dung hội cả hai bên; đây là chỗ khéo léo của bản hội tập này.

Tiếp theo, sách viết: *“Thả Hán Ngô lưỡng dịch tuy đồng vi nhập tứ nguyện, đản nội dung diệc thậm bất đồng”* (Tuy hai bản Hán dịch và Ngô dịch cùng chép hai mươi bốn nguyện, nhưng nội dung các nguyện cũng rất khác nhau). Từ những chỗ này, chúng ta có thể nghĩ bộ kinh này chắc chắn được Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên giảng nhiều lần nên mới có nhiều bản như vậy. Nếu Ngài chỉ giảng một lần, chỉ có một bản gốc, bất luận là ai phiên dịch, những lời nguyện này không thể nào chép sai được. Từ những chỗ này, chúng ta có thể hiểu cách suy nghĩ của cổ đại đức, [họ nghĩ] bộ kinh này đã được đức Thế Tôn tuyên giảng nhiều lần, huống chi còn có bảy bản dịch bị thất truyền, chúng ta chẳng đọc được, trong đó còn có chỗ sai khác hay không chúng ta cũng không biết. Ở Trung Quốc, tổng cộng có đến mười hai bản dịch kinh Vô Lượng Thọ, từ triều Hán đến triều Nam Tống kéo dài tám trăm năm, phiên dịch mười hai lần. Chúng ta tin tưởng: Dựa theo những bản dịch này để nói, tin chắc đức Phật chẳng phải chỉ giảng kinh này một lần, mà là nhiều lần. Chuyện này rất ít có! Năm xưa, lúc đức Thế Tôn giảng kinh thường chỉ giảng một lần, chẳng hề lập lại một bộ kinh nào. Chỉ riêng bộ kinh này được giảng nhiều lần, cổ đại đức đoán ít nhất đức Phật cũng giảng ba lần. Quý vị thấy: Hai mươi bốn nguyện, bốn mươi tám nguyện, ba mươi sáu nguyện, ít nhất cũng là ba lần. Nếu không, chẳng thể nào có sự sai khác lớn như vậy! Xem kỹ hơn, quý vị thấy hai bản dịch ghi hai mươi bốn nguyện, hai mươi bốn nguyện ấy cũng khác nhau; hai bản dịch ghi bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện trong hai bản dịch ấy cũng khác nhau. Điều này chứng tỏ đức Phật đã giảng bộ kinh này nhiều lần, giảng nhiều lần thì nhất định phải là vô cùng quan trọng, vì bộ kinh này mới là công đức viên mãn của chư Phật Như Lai.

Ở đây, [cụ Hoàng] nêu ra một thí dụ, thí dụ này rất quan trọng. Nguyện thứ hai trong bản Ngô dịch là: *“Sử mỗ tác Phật thời, linh ngã quốc trung, vô hữu phụ nhân. Nữ nhân dục lai sanh ngã quốc trung giả, tức tác nam tử”* (Khi tôi thành Phật, trong nước tôi không có phụ nữ. Nữ nhân muốn sanh về nước tôi, liền biến thành nam tử). Quý vị thấy Ngài có nguyện này, tức là nguyện “cõi nước chẳng có người nữ”. Tiếp theo đó, bản dịch ấy ghi: *“Chư vô ương số thiên nhân dân, quyên phi nhuyển động chi loại, lai sanh ngã quốc giả, giai u thất bảo thủy trì, liên hoa trung hóa sanh trưởng đại, giai tác Bồ Tát, A La Hán, đô vô ương số. Đắc thị nguyện, nãi tác Phật. Bất đắc thị nguyện, chung bất tác Phật”* (Vô ương số chư thiên, nhân dân, các loài bay lượn, ngọc ngậy, bò trườn, sanh về nước tôi đều hóa sanh, lớn khôn trong hoa sen nơi ao nước bảy báu, đều là Bồ Tát. A La Hán [và Bồ Tát] đều là vô ương số. Thỏa nguyện ấy mới làm Phật.

Chẳng thỏa nguyện ấy, trọn chẳng làm Phật). Quý vị thấy trong đó có hai nguyện “hóa sanh trong hoa sen” và “cõi nước không có người nữ”, trong các bản dịch khác không có hai nguyện này. Bản Hán dịch chẳng có, các bản dịch khác cũng chẳng có. “*Do thử khả kiến, chư dịch sai dị chi thậm*” (Do đây, ta có thể sự sai biệt giữa các bản dịch rất lớn), đây là một vấn đề đáng lẽ không nên có; do đó, có thể [khẳng định] chắc chắn [năm bản dịch] chẳng phải dịch từ cùng một bản kinh gốc, và truyền đến Trung Quốc chẳng phải chỉ có một bản kinh gốc. Điều này nói rõ chẳng phải đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ giảng kinh này một lần mà thôi. “*Thả Hán Ngô lưỡng dịch, tuy đồng viết nhập tứ nguyện, dẫn thực tế nội dung, tắc bất chi nhập tứ*” (Hơn nữa, hai bản Hán dịch và Ngô dịch tuy cùng nói hai mươi bốn nguyện, nhưng thật ra nội dung của chúng chẳng phải chỉ hạn cuộc trong hai mươi bốn nguyện). Quý vị đọc bản Ngô dịch, chúng ta vừa mới xem nguyện thứ hai trong phần thí dụ, trong đó có tới bốn nguyện. Trong một nguyện, thật ra bao gồm [các nguyện] “cõi nước không có người nữ”, đây là một nguyện, “hóa sanh trong hoa sen” [là nguyện thứ hai. Nguyện thứ ba là] súc sanh cũng có thể vãng sanh, loài tiểu động vật như loài trùng ngọ nguậy hoặc bay lượn là súc sanh đạo. Súc sanh cũng có thể vãng sanh, sanh đến thế giới Cực Lạc đều làm Bồ Tát, làm A La Hán.

Nguyện thứ tư, “*Bồ Tát, A La Hán vô lượng đẳng, tinh yếu thắng nguyện*” (Bồ Tát, A La Hán v.v... là nguyện thù thắng tinh yếu), nguyện [thứ hai trong bản Ngô dịch] bao gồm bốn nguyện. “*Chuẩn thị khả tri, sở vị nhập tứ nguyện, thật bất chi nhập tứ. Cứ chư Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh thế nhị thập tứ chương chi kinh văn. Khả tri Di Đà thế nguyện thật vị nhập tứ chương, phi cần nhập tứ nguyện dã*” (Do đó có thể biết, tuy nói là hai mươi bốn nguyện, nhưng thật sự chẳng phải chỉ có hai mươi bốn nguyện. Cứ theo ý câu kinh “thế nhị thập tứ chương” (thế nguyện hai mươi bốn chương) trong kinh Hậu Xuất A Di Đà Phật Kệ, có thể biết: Thế nguyện của A Di Đà Phật thật sự có đến hai mươi bốn chương, chứ chẳng phải chỉ có hai mươi bốn nguyện). Cách nói này rất hợp lý luận, hợp lý, chúng ta có thể tin tưởng. Còn như hai bản Đường dịch và Ngụy dịch tuy nói là bốn mươi tám, “*thực tế tắc bất túc tứ thập bát*” (nhưng thật ra chẳng đủ số bốn mươi tám). Quý vị hãy quan sát kỹ, “*lệ như Ngụy dịch đệ nhập cửu nguyện*” (ví dụ như nguyện thứ hai mươi chín trong bản Ngụy dịch), nguyện thứ hai mươi chín nói như thế này: “*Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Đề nhược thọ, độc kinh pháp, phúng, tụng, trì, thuyết, nhi bất đắc biện tài trí huệ giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu như tôi thành Phật, các Bồ Tát trong nước nếu đã nhận, đọc kinh pháp, phúng, tụng, trì, nói, mà chẳng đạt được biện tài trí huệ, tôi chẳng lấy ngôi Chánh Giác). Nguyện thứ ba mươi được kinh văn chép [như sau]: “*Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát trí huệ biện tài, nhược khả hạn lượng giả, bất thủ Chánh Giác. Thật tắc thử lưỡng nguyện chi hữu quảng lược chi dị, đệ tam thập nguyện chi thị đệ nhập cửu nguyện chi bổ sung dữ dẫn thân nhi dĩ*” (“Nếu như tôi thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ Tát trong nước tôi còn có hạn lượng thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”. Rõ ràng, hai nguyện này chỉ sai khác ở chỗ nói

chi tiết hay đại lược. Nguyên thứ ba mươi chỉ bổ sung và mở rộng nguyên thứ hai mươi chín mà thôi). Nói cách khác, hai nguyên này có thể hợp lại thành một nguyên.

*“Đường dịch trung đệ nhập cửu dữ tam thập nguyên, diệt dữ thử đồng. Cánh hữu tiến giả, Ngụy Đường lưỡng dịch quân khuyết quốc vô nữ nhân cập liên hoa hóa sanh chi nguyên. Khả kiến Ngụy Đường lưỡng dịch chi tứ thập bát nguyên tịnh vị viên cụ chư nguyên”* (Nguyên thứ hai mươi chín và ba mươi trong bản Đường dịch cũng giống vậy. Nói cách khác, hai bản Đường dịch và Ngụy dịch cùng thiếu các nguyên “liên hoa hóa sanh” và “nước không có nữ nhân”. Rõ ràng, bốn mươi tám nguyên nói trong bản Ngụy dịch và Đường dịch cũng chưa bao gồm đầy đủ tất cả các nguyên vậy). Đọc kỹ các lời nguyên này, trong ấy có sự sai khác rất lớn. Còn hai bản Hán dịch và Ngô dịch, *“tắc khuyết thập niệm tất sanh chi căn bản đại nguyên”* (bị khuyết đại nguyên căn bản là nguyên “mười niệm ắt vãng sanh”). Nguyên “mười nguyên ắt vãng sanh” quan trọng lắm, giúp người tu Tịnh Độ chúng ta thật sự xây dựng niềm tin, khẳng định trong đời này chúng ta có phần nơi Tịnh Độ, chẳng còn hoài nghi nữa, trong đời này chúng ta có thể thành tựu hay không, đây là then chốt! Do đó, các vị đại đức xưa và nay đều coi trọng nguyên này, gọi nó là “đại nguyên căn bản”. Có thể thấy năm bản dịch các đời Hán, Ngô, Ngụy, Đường, Tống *“quân phi Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bản”* (đều chưa phải là văn bản hoàn thiện của kinh Vô Lượng Thọ). Vì thế, thuở xưa muốn đọc kinh Vô Lượng Thọ, nếu quý vị không đọc hết năm bản dịch của kinh này, sẽ bị thiếu sót. Đọc hết cả năm bản dịch cũng khá khó khăn, chẳng dễ gì kiếm được đủ cả năm bản dịch, ngay như khi cư sĩ Vương Long Thư hội tập kinh Vô Lượng Thọ cũng chỉ đọc được bốn bản dịch, Ngài chẳng kiếm được bản Đường dịch. Người có thân phận như vậy, là một vị trưởng giả giàu to [mà cũng tìm chẳng đủ năm bản dịch]. Lúc hội tập, Ngài cũng biết có năm bản dịch, nhưng chẳng tìm được bản Đường dịch, đó là một sự đáng tiếc, vì trong bản Đường dịch có những đoạn kinh văn mà bốn bản kia chẳng có.

*“Thị dĩ hội tập chư dịch, quảng hiệt chúng trường, lánh thành hội bản, thật bất dung hoãn dã”* (Do vậy, việc hội tập các bản dịch, chọn lấy những ưu điểm của các bản để soạn riêng thành một hội bản quả thật là điều không thể chần chừ được nữa). Do đó cư sĩ Vương Long Thư là người đời Tống, là người đầu tiên hội tập kinh này. Do ông ta chẳng được đọc bản Đường dịch, tức là Vô Lượng Thọ Hội trong kinh Bảo Tích. Sau đó, trong đời Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm hội tập lần thứ hai, ông ta xem trọn năm bản dịch, nên bản hội tập của ông vượt trội bản của Vương Long Thư. Lời văn trong bản này hay hơn bản của Vương Long Thư, nhưng lưu thông chẳng rộng, người biết đến bản này rất ít. Bản hội tập của Vương Long Thư đã nổi danh, lưu thông rộng rãi, mọi người đều thấy được. Bản hội tập của Ngụy Mặc Thâm cũng có vấn đề, Ân Quang đại sư đã phê bình bản ấy. Vấn đề lớn nhất đầu tiên là “chỗ bỏ đi, chỗ thêm vào chẳng đúng”, đây là một vấn đề lớn. Chỗ đáng chọn lấy thì ông ta chẳng chọn lấy, chỗ chẳng đáng lấy, ông lại chọn lấy không ít. Còn có những chỗ, người xưa rất kỵ điều ấy, tức là trong đó có một số chữ bị sửa đổi. Lúc dịch kinh, chính mình có thể theo ý mình

[chọn chữ để dùng], nhưng khi hội tập, chẳng thể [sửa chữ]! Tuyệt đối chẳng thể sửa đổi một chữ nào của người dịch. Có như vậy thì quý vị mới được đại chúng tin tưởng, [sửa chữ] là điều tuyệt đối không được phép khi hội tập. Do đó mới có bản hội tập lần thứ ba của cư sĩ Hạ Liên Cư, lần này những lỗi lầm mắc phải trong hai lần hội tập trước đều chẳng có. Và lại, cụ dùng một thời gian dài [hơn để hội tập], cụ Hạ bỏ ra mười năm để hội tập bộ kinh này. Ba năm hoàn thành bản thảo đầu tiên, lại trải qua mười lần sửa đổi, tổng cộng mất hết mười năm mới hoàn thành bản hoàn thiện này; do đó, bản này vô cùng quý báu!

Chúng ta xem lời giới thiệu ở đây: “*U thi, Hạ sư hội tập chư dịch chi đại nguyện*” (Cho nên, thầy Hạ với đại nguyện hội tập các bản dịch), lão cư sĩ Hạ Liên Cư là thầy của cụ Hoàng Niệm Tổ, nên cụ Hoàng gọi cụ Hạ là “thầy Hạ”. “*Ký trọng cổ dịch đa kiến chi nhập tứ, hựu thái thế gian sở lưu thông chi tứ thập bát, nãi dĩ nhập tứ vi chương, tứ thập bát vi mục. Ký phù thế nhập tứ chương, hựu hợp tứ thập bát nguyện. Kinh trung bị tập chư dịch chi trường, thập niệm tất sanh, quốc vô nữ nhân, liên hoa hóa sinh chư nguyện, giai kiến ư hội bản*” (Vừa chú trọng hai mươi bốn nguyện như trong đa phần các bản cổ dịch đã dùng, lại thuận theo quan niệm phổ biến là có bốn mươi tám nguyện, bèn chia nguyện văn thành hai mươi bốn chương, gồm bốn mươi tám đề mục. Kinh vẫn có đủ ưu điểm của các bản dịch, các nguyện “mười niệm ắt sanh, cõi nước chẳng có người nữ, hóa sanh vào hoa sen” đều có đủ trong bản hội tập này). Kinh Vô Lượng Thọ đến đây đã viên mãn, nghĩa là đến thế hệ chúng ta [bản kinh viên mãn này mới được lưu thông rộng rãi]. Thế hệ trước, [tuy kinh đã được hội tập] viên mãn, nhưng chưa được lưu thông rộng rãi, thời loạn lạc chiến tranh chẳng có cách nào lưu thông! Lúc đó, chỉ in được một lần, số lượng đại khái cũng không nhiều. Bản kinh văn này là do pháp sư Luật Hàng từ Sơn Đông có được, đem đến Đài Loan tặng cho thầy Lý. Thầy Lý đọc xong, vô cùng hoan hỷ, hình như lúc đó đã in ba ngàn cuốn ở Đài Trung để các đồng học trong liên xã học tập. Lão nhân gia đã đích thân giảng bản hội tập này một lần, hình như đã giảng một lần ở chùa Pháp Hoa tại Đài Trung, có soạn mi chú. Lúc bấy giờ, hình như thầy Lý sáu mươi mấy tuổi, lúc tôi gặp thầy thì thầy đã sáu mươi chín tuổi. [Thầy giảng kinh này] trước đó mấy năm, nên tôi chẳng được nghe. Sau này, lúc thầy giảng bản của Khang Tăng Khải thì tôi được nghe từ đầu đến cuối. Chẳng dễ dàng, lưu thông đúng là chẳng dễ! Chương ngại trùng trùng. Mãi cho tới ngày nay, nói chung, đã vượt qua được cửa ải này. Hiện nay người phản đối [bản hội tập của cụ Hạ] chẳng nhiều, nhà nước cũng đã thừa nhận, lúc Cục Tôn Giáo in Tịnh Độ Ngũ Kinh đã dùng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư.

Chúng ta phải biết những chuyện đã qua thì mới biết bộ kinh này đúng là hiếm hoi, khó gặp; đời này chúng ta có thể gặp gỡ, rất đáng vui mừng, có bao nhiêu người tu Tịnh Độ chẳng có cơ duyên gặp kinh này. Sau khi lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập xong, đã đích thân giảng xong, cụ Hoàng đích thân nghe giảng, lại còn có ghi bút ký. Liên Công (cụ Hạ Liên Cư) căn dặn cụ Hoàng soạn một cuốn Chú Giải cho kinh này. Cụ



Hoàng vâng lời thầy soạn cuốn Chú Giải này, soạn tác phẩm Chú Giải này cũng rất gian nan, cực khổ, nhưng được Tam Bảo gia trì, lúc ấy, thân thể đau đớn, khổ não vì lắm bệnh ngặt ấy nhưng vẫn hoàn thành cuốn Chú Giải này. Sau khi Chú Giải hoàn thành chẳng bao lâu, chúng tôi mới được gặp. Tôi gặp cụ Hoàng ở Mỹ, lúc gặp nhau, cụ Hoàng đem một bản Chú Giải, bản ấy được in ronéo trên giấy sếp (stencil). Chúng ta biết bản này được hoàn thành đúng là chẳng dễ dàng, vì stencil chỉ in được tối đa một trăm bản, sau đó không thể dùng lại được nữa. Do đó, chúng tôi biết số lượng in rất ít. Tôi đọc xong vô cùng hoan hỷ, gọi điện thoại cho cụ Hoàng và hỏi cụ có giữ bản quyền hay không, vì có bản quyền thì chúng tôi không dám in. Nếu không có bản quyền, tôi sẽ in giúp cụ, lưu thông ở hải ngoại. Cụ nói cụ rất hoan hỷ, không giữ bản quyền, hoan nghênh in ra. Vì vậy, lần đầu tiên chúng tôi in một vạn cuốn đóng bìa cứng, cụ vô cùng hoan hỷ. Hiện nay bản này lưu thông vô cùng rộng rãi, chỗ nào cũng có người in.

Chúng ta xem tiếp phần sau: *“Phục diệp nhiếp các nguyện tinh yếu, dĩ thiếu văn nhi hiển đa nghĩa”* (còn khéo chọn lấy những điểm tinh yếu của các nguyện, lời ít nhưng nghĩa nhiều), đây là do Liên Công (cụ Hạ Liên Cư) khéo léo dùng chữ trong lúc hội tập. *“Lệ như Ngụy dịch đệ tạp bát nguyện: “Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân dục đắc y phục, tùy niệm tức chí. Như Phật sở tán ứng pháp diệp phục, tự nhiên tại thân. Hữu cầu tài, phùng, đảo, nhiễm, tẩy, trạc giả, bất thủ Chánh Giác”* (Chẳng hạn như nguyện thứ ba mươi tám trong bản Ngụy dịch là: *“Vị như tôi thành Phật, trời, người trong nước muốn có y phục, nghĩ đến liền có, tự nhiên trên thân khoác áo tốt đẹp đúng theo pháp như Phật đã khen ngợi. Nếu còn phải cắt, may, đập, nhuộm, giặt giũ, chẳng lấy ngôi Chánh Giác”*). Nguyên văn bản Ngụy dịch là như vậy. Nguyện thứ hai mươi bốn ghi: *“Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát tại chư Phật tiền, hiện kỳ đức bốn, chư sở cầu dục cúng dường chi cụ, nhược bất như ý giả, bất thủ Chánh Giác”* (Nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi khi ở trước chư Phật hiển hiện cội đức của mình, nếu những vật họ muốn có để cúng dường chẳng được như ý thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh Giác). Đây đều là những lời lẽ trong bản Ngụy dịch, quý vị xem nguyện thứ ba mươi tám và nguyện thứ hai mươi bốn. *“Ngụy dịch thử lưỡng nguyện hiển y phục dĩ cúng cụ chi như ý. Đản khuyết phạn thực như ý”* (Cả hai nguyện trên của bản Ngụy dịch nói đến y phục và vật cúng dường như ý, nhưng chẳng nói đến cơm ăn như ý). Còn trong bản Hán dịch có nói đến, *“Hán dịch đệ nhị thập tam nguyện”* (nguyện thứ hai mươi ba của bản Hán dịch), tức nguyện thứ hai mươi bốn trong bản Ngô dịch, cũng có đoạn văn như sau: *“Ngã tác Phật thời, ngã quốc chư Bồ Tát dục phạn thời, tắc thất bảo bát trung, sanh tự nhiên bách vị phạn thực tại tiền. Thực dĩ, bát giai tự nhiên khứ. Bất nhĩ giả, ngã bất tác Phật”* (Lúc tôi thành Phật, các Bồ Tát trong nước tôi lúc muốn ăn thì tự nhiên sanh ra cơm trăm vị trong bát bằng bảy báu hiện ra trước mặt. Ăn xong, bát tự nhiên biến mất. Nếu chẳng được như vậy, tôi chẳng làm Phật). Do đây, ta càng thấy rõ bản Ngụy dịch và bản Đường dịch thật sự chẳng đủ bốn mươi tám nguyện. *“Kim thử hội bản”* (nay bản hội tập này) gom ba nguyện trên thành một nguyện như sau: *“Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, sở nhu ẩm thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất*

*mãn nguyện. Khả kiến hội bốn, văn ước nghĩa phong, chư dịch sở cụ chi Di Đà thắng nguyện, bị hiển vô di. Thị dĩ cận thế chư hiền, công nhận thử vi thiện bốn, lương hữu dĩ dã*” (“Lúc tôi thành Phật, người sanh trong nước tôi: thức ăn, y phục, các thứ vật cúng cần dùng đều tùy ý hiện đến, không chi chẳng được mãn nguyện”. Có thể thấy, bản hội tập văn ngắn gọn, ý nghĩa súc tích, các nguyện thù thắng của Phật Di Đà ghi trong các bản dịch đã được nêu đủ không còn sót. Vì vậy, bản hội tập này được các bậc hiền đức cận đại công nhận là bản hoàn thiện nhất thì cũng là điều rất hợp lý vậy). Mọi người đều công nhận bản hội tập này là bản hoàn thiện nhất của kinh Vô Lượng Thọ.

Mười mấy năm trước, lần đầu tiên tôi về nước (về Đại Lục), bắt đầu từ Hương Cảng, có hai mươi mấy vị đồng tu cùng đi với tôi. Đến Bắc Kinh, người đầu tiên chúng tôi tới thăm là cụ Triệu Phác Sơ, lúc đó, cũng nói đến vấn đề bản hội tập này, cụ hết sức tán thán, vô cùng hoan hỷ. Kinh Vô Lượng Thọ kể như đã có một bản hoàn thiện, đó là chúng sanh có phước, mà cũng là quốc gia có phước. Lúc tôi dạy học ở Tân Gia Ba đã soạn khoa phán tường tận cho kinh này, khoa phán cũng được in ra, tôi tặng cuốn khoa phán cho cụ. Cụ Hoàng đã tặng cho cụ Phác Sơ cuốn Chú Giải [kinh Vô Lượng Thọ], khi tôi tặng cho cụ Phác Sơ cuốn khoa phán này, cụ vô cùng hoan hỷ, nói việc này đã viên mãn rồi! Quý vị thấy [chúng ta] có khoa phán, có Chú Giải, lại có bản hội tập hay ngần ấy. [Ai cũng] vô cùng hoan hỷ, vô cùng tán thán! Nhưng điều quan trọng là chúng ta phải thật sự đọc tụng, thật sự học tập, mới chẳng cô phụ đức Thế Tôn đã nhiều phen tuyên giảng [kinh Vô Lượng Thọ], chẳng cô phụ tổ sư đại đức đã dày công khổ nhọc ba lần hội tập, lại còn một lần tiết giáo của cư sĩ Bành Tế Thanh.

Cụ Hoàng chịu đựng thân thể bệnh khổ để hoàn thành bản Chú Giải này, tôi đến thăm cụ tại nhà, cụ dùng một trăm chín mươi ba loại sách tham khảo, tôi đều nhìn thấy. Lúc đó, tôi vô cùng kinh ngạc, tôi hỏi: “Lão cư sĩ làm sao có được những sách ấy?” Cụ nói: “Có rất nhiều nơi gởi tới, chính tôi cũng chẳng biết”. Cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, cụ cần những sách tham khảo ấy, Phật, Bồ Tát đều mang đến cho cụ. Lúc đó tôi nói với cụ: “Tôi sẽ tặng cho cụ một bộ Đại Tạng Kinh được không?” Cụ nói không được đâu, nhà cụ không có chỗ nào để chứa. Nhà cụ rất nhỏ hẹp, đại khái tổng diện tích chỉ lớn bằng phòng ngủ của chúng tôi. Căn phòng cụ ở rất nhỏ, chỉ có một cái giường, một cái bàn, kê bên cạnh toàn là sách, chất thành cả một đống sách. Trong hoàn cảnh gian khổ, khó khăn như vậy, cụ hoàn thành cuốn Chú Giải này, nếu chẳng nhờ Tam Bảo gia trì sẽ chẳng thể làm nổi. Ngày nay, chúng ta in những cuốn sách rất đẹp để cúng dường đại chúng, quý vị phải biết chúng ta có phước lớn lắm, những người thuộc đời trước chúng ta có niềm mong cũng chẳng nghĩ ra! Ngày nay chúng ta đều có đủ, tất cả đều bày trước mặt chúng ta, nếu chúng ta không sót sức nỗ lực học tập, không chỉ có lỗi với chính mình, đừng nói là có lỗi với người khác, chỉ nói là có lỗi với chính mình. Duyên phận này đúng như khai kinh kệ đã nói “*trăm ngàn muôn kiếp khó gặp gỡ*”, Bành Tế Thanh cư sĩ nói: “*Đây là một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, chúng ta đã được gặp. Đã được gặp thì phải hạ quyết tâm, đời này nhất định vãng

sanh Tịnh Độ, đó là thật sự báo ân Phật, báo ân tổ sư, báo ân đại đức thí chủ, báo ân quốc gia, trên đền báo ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ, chúng ta mới thật sự làm được! Nội dung kinh điển này thù thắng, [ngay cả] trong kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng tìm được; do đó, quả thật là hy hữu, khó gặp.

Nhưng vấn đề là làm thế nào thì mới thật sự có thể thành tựu trong đời này? Tiêu chuẩn nói trong Khởi Tín Luận quá cao, tiêu chuẩn do Mã Minh Bồ Tát đã nói là tiêu chuẩn tuyệt đối, chúng ta chẳng dễ gì làm được. Ngài dạy chúng ta lìa tướng văn tự. Chúng ta đọc tụng phải lìa tướng văn tự, nghe giảng kinh phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên. Trên thực tế, Tổ Ấn Quang dạy chúng ta giống hệt như Mã Minh Bồ Tát đã dạy, nhưng ngữ khí hòa hoãn hơn rất nhiều. Tổ Ấn Quang dạy chúng ta: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Như thế nào là tuyệt đối thành kính? Vẫn là như lời Mã Minh Bồ Tát đã dạy, đó là tiêu chuẩn của sự thành kính. Nay chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn này xuống, nhất định phải dùng tâm cung kính, tâm hời hợt háp tấp sẽ không học được gì! Xen tạp vọng niệm sẽ không học không được gì! Thật vậy, chẳng giả đâu nhé! Do đó, chúng ta hãy nhớ kỹ *“nhất hướng chuyên niệm”*, hãy ghi nhớ câu này, chỉ tuân theo một mục tiêu, một phương hướng, chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên học kinh Vô Lượng Thọ. Một bộ kinh này là đủ rồi, cả đời đừng bày thêm chuyện gì nữa, bày vẽ nhiều quá, người ta thường nói *“tham nhiều, nhai không nát”*. Chúng ta chỉ thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, chắc chắn sẽ có thành tựu. Đời này tôi chẳng làm chuyện gì khác, chỉ một bộ kinh Vô Lượng Thọ, chỉ một câu A Di Đà Phật, một lòng một dạ cầu sanh Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật, như vậy thì mới được.

Hiện nay, học cái gì cũng khó, khó ở chỗ nào? Xã hội hiện nay chẳng tôn trọng người xưa, coi thường người xưa, coi thường tôn giáo, cho rằng tôn giáo đều là mê tín! Nếu quý vị có quan niệm ấy thì cái gì cũng chẳng đạt được. Do đó, có thể biết cội rễ của pháp thế gian và xuất thế gian ở đâu? Cội rễ thật sự là hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, tức là hai câu đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước *“hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng”*. Nếu quý vị không dồn công sức nơi đây, quý vị cầu học sẽ cầu chẳng được, chắc chắn sẽ không đạt được vật báu của thánh hiền. Quý vị có thể học một vài kỹ thuật thế gian, còn những gì thánh hiền để lại quý vị sẽ không thể hưởng! Vật báu của thánh hiền được xây dựng trên cơ sở hiếu đạo và sư đạo. Chẳng thể không hiếu dưỡng cha mẹ, chẳng thể không tôn kính sư trưởng. Hiếu thảo cha mẹ, tôn kính sư trưởng tức là tôn kính Tánh Đức của chính quý vị, [hiếu thảo và tôn kính] là đại biểu của Tánh Đức. Cổ nhân Trung Quốc đời xưa coi trọng điều này nhất, chẳng có gì quan trọng hơn, chúng ta chớ nên không biết điều này. Do bài giảng kế tiếp sẽ nói về nguyên văn lời báo cáo của tỳ-kheo Pháp Tạng, nếu tâm trạng và thái độ học tập của chúng ta không đủ, thì nghe xong cũng như gió thoảng qua tai, chẳng thấu đạt được gì. Do đó, phải có đầy đủ điều kiện cơ bản của một người học trò, phải hiếu thảo cha mẹ, tôn kính thầy, thật sự biết “trọng đạo”, thì học bộ kinh này cũng như có được vật quý báu nhất. Vật

***Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa tập 193***

quan trọng nhất của mình trên thế gian này là gì? Chính là bộ kinh này! Cõi kinh này như mạng căn của mình, một ngày cũng không thể buông bỏ thì chúng ta sẽ thành công. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây thôi.